**Tiết 7: Thực hành tiếng Việt**

**ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- HS phân biệt được đặc điểm của ngôn ngữ nói (NNN) và ngôn ngữ viết (NNV), từ đó biết cách sử dụng NNN và NNV phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp.

- Phân tích được ý nghĩa của việc tái tạo NNN trong NNV và ngược lại, việc trích dẫn NNV trong NNN.

- Nhận biết lỗi trong việc sử dụng các phong cách ngôn ngữ và chỉ ra cách khắc phục.

**2. Phẩm chất**: Bồi dưỡng sự yêu thức, trân trọng vẻ đẹp và sự trong sáng của ngôn ngữ tiếng Việt. Học hỏi, chia sẻ và không ngừng cố gắng để hoàn thiện bản thân.

**II. Chuẩn bị**

**1. Thiết bị**: máy tính, máy chiếu…

**2. Học liệu**: SGK, KHBD, bài giảng PPT, phiếu học tập…

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Sản phẩm** | **Tổ chức thực hiện** |
| Khởi động | Tạo tâm thế tích cực  | Trả lời câu hỏi tình huống | Câu trả lời | - Văn bản 1: *“Hương: Lan ơi! Nhìn kìa! Trời cuối đông, lá vàng rụng nhiều quá”!*- Văn bản 2: *“Trời cuối đông, vàng úa nhuộm màu buồn vô hạn. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh mềm mại”...*Nhận xét sự khác nhau của 2 VB trên. (sự khác nhau giữa NNN và NNV) |
| Hình thành kiến thức | HS chỉ ra được sự khác nhau giữa NNN và NNV | Hoàn thành PHT | Phiếu học tập 1 | 1. Đọc thông tin về NNN và NNV trang 36,37; phân biệt NNN và NNV qua bảng sau.2,3. HS hoàn thành PHT.4. GV nhận xét |
| *Phân biệt NNN và NNV*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **NNN** | **NNV** |
| Tình huống giao tiếp | …………………………….. | …………………………….. |
| Đối tượng tiếp nhận | …………………………….. | …………………………….. |
| Phương thức tồn tại | …………………………….. | …………………………….. |
| Đặc điểm hình thức | …………………………….. | …………………………….. |
| Ưu thế | …………………………….. | …………………………….. |
| Hạn chế | …………………………….. | …………………………….. |

 |
| Luyện tập | Phân tích đặc điểm của NNN qua bài tập 1 | HS làm việc nhóm | Câu trả lời | 1. Thảo luận nhóm, làm bài tập 1. Cần lưu ý: Vận dụng kết quả lập bảng ở phần trên để làm bài. Chú ý những chi tiết trong đoạn trích có thể làm sáng tỏ cho ý: *NNN cho phép người sử dụng phát huy tác dụng của ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt… để gia tăng hiệu quả giao tiếp.*2,3. HS thảo luận, trình bày kết quả.4. GV nhận xét, góp ý, chữa bài cho HS. |
| *Bài tập 1: Nhận xét đặc điểm của NNN trong hai đoạn trích:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Trích đoạn *“Vợ nhăt”*** | **Trích đoạn *“Chí Phèo”*** |
| Vai nói, vai nghe | ……………………………… | ……………………………… |
| Từ ngữ | ……………………………… | ……………………………… |
| Câu | ……………………………… | ……………………………… |
| Cử chỉ, điệu bộ | ……………………………… | ……………………………… |
| Giọng điệu | ……………………………… | ……………………………… |

 |
| Luyện tập | Phân tích đặc điểm của NNV qua bài tập 2 | HS làm việc cá nhân | Câu trả lời | 1. HS dựa theo cách phân tích ngữ liệu trong khung nhận biết để làm bài tập.2,3. HS thực hiện4. GV hướng dẫn, chữa bài cho HS. |
| *Bài tập 2: Nhận xét đặc điểm của NNV trong đoạn trích*

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương diện** | **Biểu hiện trong trích đoạn “Vợ nhặt”** |
| Đặc điểm của từ ngữ | ………………………………………………………….. |
| Đặc điểm của câu văn | ………………………………………………………….. |
| Việc sử dụng các BP tu từ | ………………………………………………………….. |
| Đặc điểm giọng điệu | ………………………………………………………….. |

 |
| Vận dụng | Vận dụng kĩ năng để thực hành giao tiếp có hiệu quả | Làm việc nhóm | Video clip | 1. Xây dựng kịch bản, chuyển thể kịch bản về một tình huống giao tiếp (chủ đề Trang phục của thanh niên hiện nay) để thấy được đặc điểm của NNN.2,3. HS thảo luận, xây dựng kịch bản, chuyển thể kịch bản, dựng video và báo cáo SP.4. GV giúp đỡ HS thực hiện, chấm điểm cho HS. |